

Bản án số: 128/2019/HS-ST
Ngày 26-12-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 988/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bùi Quang V, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 89B PTĐ, phường ĐH 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn B và bà Trịnh Thị L1; có vợ là Phạm Thị H6 (đã ly hôn), Trần Thu **T4 (chưa đăng ký kết hôn)** và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 27/8/2019 đến ngày 04/9/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Phạm Văn H, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 185 PTĐ, phường ĐH 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Đình C và bà Vũ Thị M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”); tạm giữ từ ngày 27/8/2019 đến ngày 04/9/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Đỗ Văn H1, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 6A/36/47/81 PHĐ, phường NN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn T5 và bà Đặng Thị H7; có vợ là Dương Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án hình sự sơ thẩm số 120 ngày 18/9/2018 Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng xử 15 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”); tạm giữ từ ngày 27/8/2019 đến ngày 04/9/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Phùng Văn K, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1998 tại Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu 6, xã HX, huyện HH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phùng Văn T6 và bà Tạ Thị A; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa (Bản án số 08/2018/HS-ST ngày 16/3/2018 Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”); tạm giữ từ ngày 27/8/2019 đến ngày 04/9/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Phạm Văn Đ, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ1 (đã chết) và Vương Thị K1; có vợ là Trần Thị Mai L2 và 03 con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa (Bản án số 32/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” – chưa chấp hành án); nhân thân: 01 tiền án đã được xóa (Án số 99/2009/HSST ngày 18/6/2009 Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”); tạm giữ từ ngày 21/9/2019 đến ngày 27/9/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Lê Văn T, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 02/143 ĐP, phường NH, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn V1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án hình sự phúc thẩm số 221 ngày 25/4/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” - thi hành xong hình phạt tù ngày 27/3/2019); nhân thân: 01 tiền án đã được xóa án tích (Bản án hình sự sơ thẩm số 106 ngày Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, thời hạn tính từ ngày 01/3/2011) và 01 án chưa có hiệu lực pháp luật (Án số 126/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”); tạm giữ từ ngày 23/8/2019 đến ngày 30/8/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Các bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1986; trú tại: Số 7A/32/93/192 CH,

phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Minh H2, sinh năm 1979; trú tại: Tổ 10, phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1984; trú tại: Số 31/81/81 PHĐ, phường NN, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thu T2, sinh năm 1992; trú tại: Số 01/60/162 TL, phường DL, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989; trú tại: Thôn AT, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1976; trú tại: Số 8A/37 TC, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Những người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

Chị Cao Hải Y, sinh năm 1979; trú tại: Số 584 TC, phường QT, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Nguyễn Kim H3, sinh năm 1982; trú tại: Số 839 TC, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Bùi Văn H4, sinh năm 1987; trú tại: Thôn ĐH 1, xã TD, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Bùi Văn H5, sinh năm 1988, trú tại: Xóm 4, thôn AQ, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người làm chứng:

Anh Vũ Văn D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13h ngày 10/8/2019 Bùi Quang V rủ Phạm Văn H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô Jupiter màu đen (H không nhớ biển kiểm soát, xe mượn của một người bạn tên Kh là người miền Nam, H không biết địa chỉ) chở V đi đến khu vực đường CH, quận LC, thành phố Hải Phòng phát hiện nhà số 7A/32/93/152 CH không khóa cửa, trong nhà chị Nguyễn Thị Thúy Q dựng 01 xe mô tô Airblade màu đỏ BKS 16R8-1035, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện. H đứng bên ngoài canh giới còn V lên vào trong nhà lấy trộm chiếc xe trên ra khỏi nhà và cùng H chạy đến khu vực cầu vượt KA và đưa xe này cho H. Tại đây, H kiểm tra trong cốp xe thấy có giấy đăng ký xe. H đã sử dụng Thẻ căn cước giả mang tên Đào Việt C có in ảnh của H (thẻ căn cước H đặt mua trên mạng của một người không quen biết) đến số 584 đường TC, phường QT, quận KA, thành phố Hải Phòng cầm cố cho chị Cao Hải Y, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Số 584 đường

TC, phường QT, quận KA, thành phố Hải Phòng lấy 10.000.000 đồng, H chia cho V 4.000.000 đồng, số tiền còn lại H chi tiêu cá nhân hết. Chị Y sau khi nhận cầm cố xe biết là xe trộm cắp nên đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ hai: Khoảng 22h00' ngày 10/8/2019 Bùi Quang V, Đỗ Văn H1 đi chơi về đến khu vực cuối ngõ 152 CH, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng phát hiện trong sân dựng nhiều xe mô tô nên V bàn với H1 cùng nhau trộm cắp tài sản. H1 đồng ý và đứng ngoài cảnh giới còn V lén lút đột nhập vào trong dùng vạm phá khóa mang theo từ trước phá khóa ổ điện của xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đen, BKS 16M8-6769 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Số 31/81/81 PHĐ, phường NN, quận LC, thành phố Hải Phòng, nhưng không phá được khóa còng nên V, H1 bỏ về. Khi V, H1 về đến phòng trọ của V thì gặp H, V rủ H cùng đi trộm cắp H đồng ý. V mang theo 01 búa, 01 kim cọng lực rồi cả ba quay lại để tiếp tục trộm cắp. H1 đứng ngoài cảnh giới còn V, H lén vào trong sân dùng kim và búa đập, cắt khóa còng lấy trộm chiếc xe trên mang đến quán Game bắn cá của Nguyễn Kim H3, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 839 TC, quận KA, thành phố Hải Phòng gửi lại. H3 đã đưa xe cho Lê Văn T sử dụng, T đưa cho Vũ Văn Đ1 sử dụng thì bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 22/8/2019, Phùng Văn K điều khiển xe Jupiter màu đỏ BKS 14U-331.40 của H1, chở H1 đi lang thang qua nhiều tuyến đường để trộm cắp, khi đi đến nhà chị Hoàng Thu T2; địa chỉ: Số 01/60/162 TL, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng, phát hiện thấy cổng ngoài khóa, cửa chính mở, trong nhà chị T2 không có người và dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu trắng BKS: 15K1 - 245.71, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. H1 đứng ngoài cảnh giới còn K dùng tay nâng bản lề tháo rời cánh cổng lén vào trong nhà lấy trộm 01 xe mô tô BKS: 15K1 - 245.71 và 01 Laptop để trên bàn. Sau khi lấy được xe K mang đến nhà Phạm Văn Đ gửi đồng thời tháo biển kiểm soát xe vớt đi (Đ cho K gửi xe nhưng không biết xe do K trộm cắp). Sau đó, K gọi điện thoại cho Lê Văn T gạ bán xe với giá 12.000.000 đồng. T đồng ý và đi cùng Vũ Văn Đ1, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Số 04/342 MHX, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng đến gặp K tại bờ đê tả sông Lạch Tray thuộc xã HT, huyện AD. Khi mua xe T trả cho K 1.000.000 đồng tiền mặt còn 11.000.000 đồng T chuyển vào tài khoản cho K thông qua dịch vụ chuyển tiền trên điện thoại di động. Sau khi mua được xe, T nhờ Đại mang chiếc xe trên đến bán cho anh Bùi Văn H5, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Xóm 4, thôn AQ, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng lấy số tiền 40.000.000 đồng (anh H5 mới trả 15.000.000 đồng). Anh H5 sau khi biết xe BKS 15K1-245.71 là xe trộm cắp đã tự nguyện giao nộp Cơ quan điều tra. Còn 01 Laptop K nhờ Vũ Văn D, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Số 78 Trần Tất Văn, huyện AL, thành phố Hải Phòng bán hộ. D mang Laptop bán cho anh Bùi Văn H4, sinh năm: 1987; trú tại: Thôn ĐH 1, xã TD, huyện AL, thành phố Hải Phòng lấy 900.000 đồng. D đưa lại số tiền này cho K và được K cho 300.000 đồng, K chia cho H1 300.000 đồng, số tiền trên K, D, H1 đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi anh H4 biết Laptop là tài sản trộm cắp đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ tư: Khoảng 01h30' ngày 24/8/2019, Phạm Văn H điều khiển xe mô tô Airblade BKS 15G1-285.84 chở Bùi Quang V đi tìm nhà dân nào sơ hở sẽ trộm cắp tài sản, khi đi V, H mang theo 01 vạm phá khóa, 01 kim cắt. Khi cả hai đi đến đường QT, phát hiện nhà chị Phạm Thị Minh H2, ở tổ 10, phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng cổng khóa trong sân dựng 02 xe mô tô. H dùng kim cộng lực cắt khóa cổng để V lên vào trong sân lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu sơn trắng, nâu BKS 15B1-918.81. Ngày 25/6/2019 khi V đang điều khiển xe mô tô này trên đường thì bị bắt giữ.

Vụ thứ năm: Khoảng 23h ngày 24/8/2019 khi đi qua khu vực TC, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn H phát hiện nhà số 8A/37 cửa sổ mở có 03 điện thoại di động của anh Nguyễn Xuân T3 để trên ghế gần cửa sổ (01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng; 01 điện thoại Samsung màu vàng; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám bạc), H với tay qua cửa sổ trộm cắp 03 điện thoại trên và cho vào cốp xe BKS G1-285.84 H đang đi. Ngày 27/8/2019 Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 điện thoại trên.

Vụ thứ sáu: Khoảng cuối tháng 8/2019 Phạm Văn Đ đang ở nhà tại Thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng thì H9 “Văn Lâu” (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến gặp Đ và thỏa thuận bán cho Đ 01 xe mô tô AirBlade màu sơn đen, BKS: 15G1-285.84 với giá 6.500.000 đồng (xe không có giấy tờ). Khoảng 12h ngày 23/8/2019 tại nhà Đ, Đ bán lại chiếc xe trên cho Bùi Quang V với giá 7.000.000 đồng. Sau khi mua xe xong V mang đến khu vực gần cổng trường Đại học Dân lập bán lại cho H lấy 8.000.000 đồng. Ngày 27/8/2019 khi tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn H, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe trên. Quá trình điều tra, xác minh chủ sở hữu chiếc xe mô tô 15G1-285.84 là chị Bùi Thị L (sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn AT, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng) bị mất trộm ngày 13/8/2019.

Kết quả định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định:

- Xe mô tô SH màu đen BKS: 16M8 - 6769 (tại thời điểm định giá không đeo biển kiểm soát) trị giá 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)
- Xe mô tô SH Mode màu trắng BKS: 15K1 - 245.71 (tại thời điểm định giá không đeo biển kiểm soát) trị giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)
- 01 laptop nhãn hiệu HP trị giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)
- Xe mô tô SH Mode màu trắng BKS: 15B1 -918.81 (tại thời điểm định giá không đeo biển kiểm soát) trị giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Xe mô tô Airblade BKS 16R8-1035 trị giá 20.500.000đ (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).
- 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng trị giá 1.000.000đ; 01 điện thoại Samsung màu vàng trị giá 1.000.000đ; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám bạc trị giá 1.000.000đ. Tổng số 03 điện thoại trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

-01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu sơn đen, BKS: 15G1-285.84 trị giá 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Vật chứng của vụ án:

-01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu trắng, nâu BKS 15B1-918.81; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu trắng, nâu BKS 15K1-245.71; 01 Laptop; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu đen BKS 16M8-6769; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS 15G1-285.84; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ bạc BKS 16R8-1035; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám - bạc. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các bị hại.

Các vật chứng sau được chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng lưu giữ theo quy định, gồm: 01 điện thoại di động Iphone 5 màu xám, đen, trắng; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu đen, trắng đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn H; 01 điện thoại di động Samsung J4+ màu vàng, 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Văn H1; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đen; 01 điện thoại di động Masstel màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Phùng Văn K; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ BKS 14U-331.40 số khung 5B95071111, số máy RLCJ5B950AY071111 thu giữ của Đỗ Văn H1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen, BKS 29K1-800.83 thu giữ của Phùng Văn K; 02 biển kiểm soát 37F2-544.20; 16M8-2851, 01 thẻ căn cước công dân số 031079002605 mang tên Đào Việt C, sinh năm: 1979, nơi cư trú: 8/33/136 PHĐ - NN - LC - Hải Phòng, 01 vật có hình dạng súng ngắn màu đen - xám trên thân có dòng chữ số 09Q02916, phân báng có ốp nhựa, có hộp tiếp đạn nhưng không có đạn, 01 máy tính Laptop màu đen nhãn hiệu Dell đã qua sử dụng có số Imei: 9773760529, 01 dao bầu nhọn, có cán gỗ dài 40cm; 01 lưỡi lê bằng kim loại hai cạnh mài sắc, một đầu nhọn, một đầu bọc nhựa dài 40cm; 01 tuýp sắt hình trụ bằng kim loại, đường kính 02 cm, dài 70cm; 01 kìm cắt dài 25cm, hai tay cầm bọc nhựa; 01 thanh kim loại có hai đầu dẹt, dài 30cm; 02 mỏ lết bằng kim loại dài 30cm; 01 Rìu bằng kim loại, cán rìu bọc cao su màu đen dài 40cm; 01 vạm phá khóa một đầu mài nhọn dài 08cm; 01 kìm cắt thủy lực bằng kim loại sơn màu vàng đen dài 31cm, có hai tay cầm. Thu giữ của phạm Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Phạm Thị Minh H2, Hoàng Thu T2, Nguyễn Xuân T1, Bùi Thị L, Nguyễn Xuân Thủy, Nguyễn Thị Thúy Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn H4, chị Cao Hải Y không yêu cầu bồi thường; anh Bùi Văn H5 yêu cầu trả lại anh số tiền 15.000.000đ bỏ ra mua xe mô tô BKS 151-245.71.

Tại bản Cáo trạng số 131/CT-VKS-P3 ngày 29 tháng 11 năm 2019, Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Bùi Quang V, Phạm Văn H về các tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phùng Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn Đ, Lê Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng; đồng thời phân tích hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Quang V; xử phạt: Từ 48 tháng đến 54 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 60 tháng đến 72 tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323, điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Phạm Văn H, xử phạt: Từ 48 tháng đến 54 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 60 tháng đến 72 tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Đỗ Văn H1; xử phạt: Từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Phùng Văn K; xử phạt: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lê Văn T; xử phạt: Từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tổng hợp hình phạt tại Bản án số 126/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Phạm Văn Đ; xử phạt: Từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

có” tại Bản án số 32/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 30 tháng đến 36 tháng tù.

Về bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Quang V, Phạm Văn H, Đỗ Văn H1, Phùng Văn K, Lê Văn T, Phạm Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Trong tháng 8/2019, trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các bị cáo Bùi Quang V, Phạm Văn H, Đỗ Văn H1, Phùng Văn K đã lợi dụng sơ hở chủ sở hữu, nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản; cụ thể:

[4] Vụ thứ nhất: Xảy ra vào khoảng 13h ngày 10/8/2019, Bùi Quang V, Phạm Văn H đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc mô tô AirBlade màu đỏ BKS 16R8-1035, có trị giá 20.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thúy Q.

[5] Vụ thứ hai: Xảy ra vào khoảng 22h ngày 10/8/2019, Bùi Quang V, Đỗ Văn H1 và Phạm Văn H cùng nhau lén lút chiếm đoạt 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đen BKS 16M8-6769, có trị giá 35.000.000 đồng của anh Nguyễn Xuân T1

[6] Vụ thứ ba: Vào khoảng 14h ngày 22/8/2019, Phùng Văn K và Đỗ Văn H1 đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu trắng BLS 15K1-245.71, có trị giá 25.000.000 đồng và 01 Laptop nhãn hiệu HP trị giá 6.000.000 đồng của chị Hoàng Thu T2.

[7] Vụ thứ tư: Xảy ra vào khoảng 01h30 ngày 24/8/2019, Phạm Văn H, Bùi Quang V đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu trắng, nâu BKS 15B1-918.81, có trị giá 25.000.000 đồng của chị Phạm Thị Minh H2.

[8] Vụ thứ năm: Khoảng 23h ngày 24/8/2019, Phạm Văn H đã trộm cắp 03 chiếc điện thoại di động, có tổng trị giá 3.000.000 đồng của anh Nguyễn Xuân T3.

[9] Ngoài ra trong khoảng thời gian trên, vì mục đích vụ lợi Bùi Quang V, Phạm Văn H, Phạm Văn Đ và Lê Văn T đã thực hiện việc mua bán các tài sản do phạm tội mà có, cụ thể:

[10] Phạm Văn Đ đã mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu sơn đen, BKS: 15G1- 285.84 của Hà Văn Lâu (chưa xác định được lai lịch) nguyên là tài sản của chị Bùi Thị L – sinh năm: 1989, tại thôn AT, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng bị kẻ gian lấy trộm ngày 13/8/2019 với giá 6.500.000 đồng. Ngày 22/8/2019 Đ bán lại xe mô tô trên cho Bùi Quang V, V bán lại cho Phạm Văn H. Khi mua bán xe mô tô trên, Đ, V, H nhận thức được đây là tài sản bất hợp pháp vì xe không có giấy tờ, bán giá rẻ so với giá thị trường nhưng các bị can vẫn mua để bán lại kiếm lời và sử dụng.

[11] Ngày 22/8/2019, Lê Văn T mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu trắng BKS: 15K1 - 245.71 của Phùng Văn K với giá 12.000.000 đồng. Khi mua xe T nhận thức được xe không có giấy tờ, không có biển kiểm soát, giá rẻ so với giá thị trường nên T biết đây là tài sản bất hợp pháp nhưng vì háo hức T vẫn mua để bán lại kiếm lời.

[12] Do đó, hành vi của các bị cáo Bùi Quang V, Phạm Văn H, Đỗ Văn H1, Phùng Văn K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Bùi Quang V, Phạm Văn H, Lê Văn T, Phạm Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[13] Tính chất vụ án là nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; ngoài ra, hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”:

[14] + Bị cáo Bùi Quang V thực hiện 03 vụ trộm cắp, chiếm đoạt 03 xe mô tô, với tổng giá trị tài sản qua định giá là 80.500.000 đồng

[15] + Phạm Văn H thực hiện 04 vụ trộm cắp, chiếm đoạt 03 xe mô tô các loại, 03 điện thoại di động các loại, với tổng giá trị tài sản qua định giá là 83.500.000 đồng

[16] + Đỗ Văn H1 thực hiện 02 vụ trộm cắp, chiếm đoạt 02 xe máy và 01 laptop; với tổng giá trị tài sản qua định giá là 66.000.000 đồng.

[17] Các bị cáo V, H, H1 chiếm đoạt tài sản có trị giá trên 50.000.000 đồng nên bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[18] + Phùng Văn K thực hiện 01 vụ trộm cắp, chiếm đoạt 01 xe mô tô và 01 laptop với tổng giá trị tài sản qua định giá 31.000.000 đồng. Bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

[19] Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Các bị cáo Bùi Quang V, Phạm Văn H, Phạm Văn Đ, Lê Văn T không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò:

[20] Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Vai trò của các bị cáo được phân hóa căn cứ vào tính chất, mức độ tham gia trộm cắp và giá trị tài sản bị chiếm đoạt; theo đó: Bị cáo V có vai trò cao nhất, bị cáo tham gia 3 vụ trộm cắp với giá trị tài sản 80.500.000 đồng, bị cáo có vai trò khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia trộm cắp. Bị cáo H và H1 có vai trò thấp hơn, bị cáo H tham gia 4 vụ trộm cắp với giá trị tài sản 83.500.000 đồng, bị cáo H1 tham gia 2 vụ trộm cắp với giá trị tài sản 66.000.000 đồng. Bị cáo K có vai trò thấp nhất, tham gia 1 vụ trộm cắp với giá trị tài sản 31.000.000 đồng.

[21] Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Bị cáo Lê Văn T tiêu thụ tài sản độc lập với các bị cáo khác nhưng tài sản tiêu thụ có giá trị lớn nhất nên vai trò của bị cáo là cao nhất. Các bị cáo Đ, H, V cùng tiêu thụ tài sản là chiếc xe máy, tuy nhiên, vai trò của các bị cáo được xác định theo thứ tự các bị cáo tiêu thụ tài sản, bị cáo Đ là người tiêu thụ đầu tiên, bán lại cho bị cáo V, bị cáo V lại tiếp tục bán cho bị cáo H nên vai trò của các bị cáo Đ là cao nhất, sau đó đến bị cáo V, bị cáo H có vai trò thấp nhất.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[22] Các bị cáo Bùi Quang V, Đỗ Văn H1, Phạm Văn H đều phạm tội trộm cắp tài sản 02 lần trở lên, mỗi lần đều đủ cấu thành tội phạm nên các bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[23] Bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Văn H1, Phùng Văn K, Phạm Văn Đ, Lê Văn T đã có 1 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của các bị cáo được xác định là tái phạm, theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[24] Bị cáo V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo sau khi bị bắt đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[25] Bị cáo V có bố tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Hai. Bị cáo Phùng Văn K có ông ngoại là ông Tạ Văn P được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; ông nội là ông Phùng Văn C2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Hai nên các bị cáo V, K được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Về hình phạt:

[26] Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Bị cáo V có vai trò cao nhất nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo H, H1 có vai trò thấp hơn bị cáo V nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo V nhưng mức hình phạt của các bị cáo phải trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo K tham gia ít vụ trộm cắp nhất nên chịu mức hình phạt thấp nhất nhưng phải trên mức khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

[27] Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Bị cáo T tiêu thụ tài sản có giá trị cao nhất nên phải chịu mức hình phạt cao nhất; bị cáo Đ có vai trò cao hơn nên mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo V, H. Bị cáo V có vai trò cao hơn bị cáo H nhưng nhân thân tốt hơn bị cáo H nên mức hình phạt của các bị cáo H, V ngang nhau nhưng phải cao hơn mức khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[28] Các bị cáo Bùi Quang V, Phạm Văn H phạm 02 tội nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[29] Bị cáo Phạm Văn Đ có 01 tiền án 18 tháng tù chưa thi hành mà lại phạm tội mới nên khi xét xử cần tổng hợp hình phạt với phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án trước theo Điều 56 Bộ luật Hình sự

[30] Ngày 24/12/2019, bị cáo Lê Văn T đã bị Tòa án nhân dân thành phố H Phòng xét xử 04 năm về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy nhiên, hiện Bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp hình phạt trong tại Bản án này. Hội đồng xét xử kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tổng hợp hình phạt của 2 Bản án đối với bị cáo Lê Văn T.

- Về bồi thường dân sự::

[31] + Các bị hại Phạm Thị Minh H2, Hoàng Thu T2, Nguyễn Xuân T1, Bùi Thị L, Nguyễn Xuân T3, Nguyễn Thị Thúy Q đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Đây là sự tự nguyện của các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

[32] + Những người có quyền lợi liên quan là chị Cao Hải Y và anh Bùi Văn H4 không yêu cầu các bị cáo đã bán xe cho anh chị phải bồi thường lại số tiền đã bỏ ra để mua xe. Đây là sự tự nguyện của những người liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

[33] + Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là anh Bùi Văn H5 là người mua xe máy do Lê Văn T bán; anh H5 đã tự nguyện giao nộp xe cho Cơ quan điều tra, khi mua xe, anh H5 cũng không biết rõ nguồn gốc nên anh H5 yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền mà anh H5 đã bỏ ra để mua xe. Hội đồng xét xử thấy đây là yêu cầu chính đáng của người liên quan nên có căn cứ để chấp nhận và xem xét giải quyết; cụ thể: Buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Văn H5 số tiền 12.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

[34] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5 vỏ màu xám – đen – trắng (không sử dụng được), 01 điện thoại Iphone 5 vỏ đen – trắng đều thu giữ của bị cáo Phạm Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4+ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 đều thu giữ của Đỗ Văn H1; 01 điện thoại Masstel thu giữ của Phùng Văn K: Các bị cáo H, H1, K đều sử dụng liên lạc với nhau liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mai, sung quỹ Nhà nước.

[35] Đối với 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Nokia 105 thu giữ của Phùng Văn K: Bị cáo không sử dụng để liên lạc trao đổi liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[36] Đối với 01 xe máy Yamaha Jupiter đã qua sử dụng của Đỗ Văn H1: Hiện xe máy này chưa xác minh được chủ sở hữu nên chuyển lại cho Cơ quan điều tra để tiếp tục làm rõ.

[37] Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BLS 29K1-800.83 thu giữ của bị cáo K: Không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[38] Đối với 02 biển kiểm soát: Không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy

[39] Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đào Việt C do các bị cáo làm giả và sử dụng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[40] Đối với 01 vật có hình dạng súng ngắn: Không phải vũ khí quân dụng, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[41] Đối với 01 laptop thu giữ của bị cáo Phạm Văn H: Không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[42] Đối với 01 dao bầu, 01 lưỡi lê, 01 tuýp sắt, 01 kìm cắt, 01 thanh kim loại; 02 mỏ lết; 01 rìu, 01 văm phá khóa; 01 kìm cắt thủy lực: Đây là các đồ vật bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản và các đồ vật giá trị sử dụng không đáng kể nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[43] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo **Bùi Quang V**; xử phạt: 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 57 (Năm mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2019

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323, điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo **Phạm Văn H**, xử phạt: 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 54 (Năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2019

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo **Đỗ Văn H1**; xử phạt: 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2019

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo **Phùng Văn K**; xử phạt: 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2019

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo **Lê Văn T**; xử phạt: 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2019.

Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tổng hợp hình phạt tại Bản án số 126/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, khi 2 bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo **Phạm Văn Đ**; xử phạt: 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 32/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng; bị cáo được trừ 90 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/6/2018), còn lại phải chấp hành 15 tháng tù.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2019

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Lê Văn T pH bồi thường cho người có quyền lợi liên quan đến vụ án – anh Bùi Văn H5 số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng

Kể từ ngày người có quyền lợi liên quan đến vụ án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 5 vỏ màu xám – đen – trắng (không sử dụng được), 01 điện thoại Iphone 5 vỏ đen – trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4+; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; 01 điện thoại Masstel

Tịch thu, tiêu hủy: 01 dao bầu, 01 lưỡi lê, 01 tuýp sắt, 01 kìm cắt, 01 thanh kim loại; 02 mỏ lết; 01 rìu, 01 vạm phá khóa; 01 kìm cắt thủy lực; 02 biển kiểm soát; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đào Việt C; 01 vật có hình dạng súng ngắn

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H: 01 laptop, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Phùng Văn K: 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Nokia 105; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BLS 29K1-800.83, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Chuyển trả cho Cơ quan điều tra (PC02) Công an thành phố Hải Phòng: 01 xe máy Yamaha Jupiter đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 29/11/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Lê Văn T phải nộp 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và những người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP H Phòng;
- PV27 Công an TP H Phòng;
- Cục THADS TP H Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm